

DANH SÁCH PHÒNG THI

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	210001	TRẦN HỮU	AM	07/03/2006	Trần Huy Liệu	T. Anh	
2	210002	BÙI DUY	AN	05/12/2006	Quang Trung	T. Anh	
3	210003	PHẠM THÀNH	AN	29/01/2006	Hợp Hưng	T. Anh	
4	210004	NGUYỄN THU	AN	11/10/2006	Trung Thành	T. Anh	
5	210005	NGUYỄN THỊ THUY	AN	07/09/2006	Đại An	T. Anh	
6	210006	ĐÀO DUY	ANH	25/02/2006	Cộng Hoà	T. Anh	
7	210007	TRẦN THẾ ĐỨC	ANH	25/12/2006	Trần Huy Liệu	T. Anh	
8	210008	NGUYỄN THỊ HOÀI	ANH	29/11/2006	Quang Trung	T. Anh	
9	210009	NGÔ HUYỀN	ANH	12/06/2006	Trung Thành	T. Anh	
10	210010	TRẦN THỊ KIỀU	ANH	09/02/2006	Kim Thái	T. Anh	
11	210011	NGUYỄN THỊ KIM	ANH	06/04/2006	Cộng Hoà	T. Anh	
12	210012	ĐOÀN THỊ LAN	ANH	14/09/2006	Đại An	T. Anh	
13	210013	LÊ THỊ LAN	ANH	30/11/2006	Lương Thế Vinh	T. Anh	
14	210014	TRẦN THỊ LAN	ANH	29/03/2006	Kim Thái	T. Anh	
15	210015	NGUYỄN THỊ NGỌC	ANH	20/10/2006	Đại An	T. Anh	
16	210016	VŨ THỊ NHẬT	ANH	13/04/2006	Đại An	T. Anh	
17	210017	BÙI PHƯƠNG	ANH	15/12/2006	Quang Trung	T. Anh	
18	210018	BÙI THỊ PHƯƠNG	ANH	09/09/2006	Quang Trung	T. Anh	
19	210019	ĐINH VĂN QUANG	ANH	28/02/2006	Đại An	T. Anh	
20	210020	PHẠM QUỲNH	ANH	24/07/2006	Trung Thành	T. Anh	
21	210021	TRẦN TÀI	ANH	27/06/2006	Hợp Hưng	T. Anh	
22	210022	TRẦN TUẤN	ANH	24/02/2006	Kim Thái	T. Anh	
23	210023	VŨ TUẤN	ANH	20/08/2006	Đại An	T. Anh	
24	210024	HOÀNG VĂN TUẤN	ANH	19/10/2006	Yên Dương	T. Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

Nam Định, ngày 25/06/2020

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI



HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Trung Tâm

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT

Khoá ngày 27/06/2020

Hội đồng coi thi HOÀNG VĂN THỤ

Phòng thi số 2

Từ SBD 210025

Đến SBD 210048

DANH SÁCH PHÒNG THI

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	210025	TRẦN VĂN TUẤN	ANH	22/08/2006	Kim Thái	T. Anh	
2	210026	TRẦN VÂN	ANH	29/04/2006	Kim Thái	T. Anh	
3	210027	TRẦN HỒNG VÂN	ANH	16/10/2006	Kim Thái	T. Anh	
4	210028	VŨ THỊ VÂN	ANH	07/05/2006	Trung Thành	T. Anh	
5	210029	BÙI VIỆT	ANH	10/01/2006	Trung Thành	T. Anh	
6	210030	PHẠM VIỆT	ANH	27/09/2006	Minh Tân	T. Anh	
7	210031	NGUYỄN HỒNG	ÁNH	09/04/2006	Cộng Hoà	T. Anh	
8	210032	NGUYỄN THỊ MINH	ÁNH	24/06/2006	Trung Thành	T. Anh	
9	210033	ĐÀO NGỌC	ÁNH	12/01/2006	Trung Thành	T. Anh	
10	210034	HOÀNG NGỌC	ÁNH	16/07/2006	Hợp Hưng	T. Anh	
11	210035	TRẦN NGỌC	ÁNH	11/02/2006	Yên Dương	T. Anh	
12	210036	BÙI THỊ NGỌC	ÁNH	07/06/2006	Liên Bảo	T. Anh	
13	210037	HOÀNG THỊ NGỌC	ÁNH	11/10/2006	Hợp Hưng	T. Anh	
14	210038	PHẠM THỊ NGỌC	ÁNH	13/05/2006	Hợp Hưng	T. Anh	
15	210039	PHẠM THỊ NGỌC	ÁNH	09/09/2006	Minh Tân	T. Anh	
16	210040	PHẠM THỊ NGỌC	ÁNH	04/12/2006	Minh Tân	T. Anh	
17	210041	TRẦN THỊ NGỌC	ÁNH	26/09/2006	Trung Thành	T. Anh	
18	210042	TRẦN THỊ NGỌC	ÁNH	31/05/2006	Yên Dương	T. Anh	
19	210043	TRẦN THỊ NGỌC	ÁNH	04/03/2006	Kim Thái	T. Anh	
20	210044	PHẠM XUÂN	BÁCH	10/12/2006	Kim Thái	T. Anh	
21	210045	PHẠM TRỌNG	BẢO	09/11/2006	Cộng Hoà	T. Anh	
22	210046	BÙI ĐỨC	BIÊN	02/01/2006	Quang Trung	T. Anh	
23	210047	NGÔ NGUYỄN ĐÌNH	BÌNH	07/11/2006	Trung Thành	T. Anh	
24	210048	NGUYỄN MINH	BÌNH	19/09/2006	Đại An	T. Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

Nam Định, ngày 25/06/2020

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI



HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Trung Lâm

DANH SÁCH PHÒNG THI

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	210049	TRẦN THỊ HUYỀN	CHÂM	13/10/2006	Yên Mỹ	T. Anh
2	210050	NGUYỄN NGỌC MINH	CHÂU	15/11/2006	Cộng Hoà	T. Anh
3	210051	NGUYỄN QUỲNH	CHI	11/04/2006	Cộng Hoà	T. Anh
4	210052	NGUYỄN QUYẾT	CHIẾN	13/12/2006	Quang Trung	T. Anh
5	210053	TRẦN VĂN	CHIẾN	24/06/2006	Đại An	T. Anh
6	210054	TRẦN QUANG	CHINH	23/09/2006	Kim Thái	T. Anh
7	210055	TRẦN MINH	CÔNG	11/12/2006	Quang Trung	T. Anh
8	210056	ĐẶNG HÙNG	CUỒNG	08/08/2006	Hồng Quang	T. Anh
9	210057	HOÀNG MẠNH	CUỒNG	14/11/2006	Hợp Hưng	T. Anh
10	210058	NGUYỄN MẠNH	CUỒNG	28/05/2006	Trung Thành	T. Anh
11	210059	PHẠM THẾ	CUỒNG	21/09/2006	Cộng Hoà	T. Anh
12	210060	TRẦN LÊ BÍCH	DIỆP	16/05/2006	Kim Thái	T. Anh
13	210061	VŨ THỊ	DIU	09/02/2006	Đại An	T. Anh
14	210062	NGUYỄN HỮU	DU	07/11/2006	Kim Thái	T. Anh
15	210063	ĐẶNG THỊ THÙY	DUNG	18/03/2006	Liên Bảo	T. Anh
16	210064	PHẠM ĐỨC	DŨNG	11/02/2006	Đại An	T. Anh
17	210065	NGUYỄN HỮU	DŨNG	11/11/2006	Kim Thái	T. Anh
18	210066	VI QUANG	DŨNG	26/07/2006	Cộng Hoà	T. Anh
19	210067	NGUYỄN TẤT	DŨNG	17/09/2006	Cộng Hoà	T. Anh
20	210068	MAI TIẾN	DŨNG	05/12/2006	Kim Thái	T. Anh
21	210069	NGUYỄN VĂN	DŨNG	29/12/2006	Quang Trung	T. Anh
22	210070	NGUYỄN VIỆT	DŨNG	02/06/2006	Quang Trung	T. Anh
23	210071	TRẦN ĐÌNH	DUY	21/11/2006	Kim Thái	T. Anh
24	210072	TRẦN ĐỨC	DUY	02/11/2006	Kim Thái	T. Anh

Số học sinh thi tiếng Anh: 24
Số học sinh thi tiếng Nga: 0
Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

Nam Định, ngày 25/06/2020
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI



HIỆU TRƯỞNG
Hoàng Trung Lâm

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT

Khoá ngày 27/06/2020

Hội đồng coi thi HOÀNG VĂN THỤ

Phòng thi số 4

Từ SBD 210073

Đến SBD 210096

DANH SÁCH PHÒNG THI

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	210073	NGUYỄN KHÁNH DUY	15/04/2006	Yên Dương	T. Anh	
2	210074	PHẠM KHƯƠNG DUY	03/07/2006	Cộng Hoà	T. Anh	
3	210075	NGUYỄN PHÚ DUY	13/07/2006	Trung Thành	T. Anh	
4	210076	PHẠM QUANG DUY	02/11/2006	Cộng Hoà	T. Anh	
5	210077	TRẦN THỊ HỒNG DUYÊN	25/11/2006	Kim Thái	T. Anh	
6	210078	NGUYỄN THỊ MỸ DUYÊN	27/08/2006	Đại An	T. Anh	
7	210079	TRẦN THỊ MỸ DUYÊN	28/07/2006	Hợp Hưng	T. Anh	
8	210080	NGUYỄN ĐĂNG DƯƠNG	29/06/2006	Liên Bảo	T. Anh	
9	210081	NGUYỄN QUANG DƯƠNG	23/03/2006	Kim Thái	T. Anh	
10	210082	TRẦN THỊ DƯƠNG	08/08/2006	Trung Thành	T. Anh	
11	210083	TRẦN THỊ THÙY DƯƠNG	25/11/2006	Kim Thái	T. Anh	
12	210084	NGUYỄN TRỌNG DƯƠNG	21/10/2006	Đại An	T. Anh	
13	210085	NGUYỄN VĂN DƯƠNG	03/05/2006	Kim Thái	T. Anh	
14	210086	PHẠM XUÂN DƯƠNG	08/08/2006	Minh Tân	T. Anh	
15	210087	TRẦN QUANG ĐẠI	05/06/2006	Đại An	T. Anh	
16	210088	MAI VĂN ĐẠI	11/01/2006	Kim Thái	T. Anh	
17	210089	VŨ XUÂN ĐẠI	13/10/2006	Đại An	T. Anh	
18	210090	PHÙNG ĐÌNH ĐẠT	22/07/2006	Đại An	T. Anh	
19	210091	TRẦN THÀNH ĐẠT	19/06/2006	Quang Trung	T. Anh	
20	210092	PHÙNG TUẤN ĐẠT	05/08/2006	Đại An	T. Anh	
21	210093	TRẦN VĂN ĐẠT	28/09/2006	Trung Thành	T. Anh	
22	210094	TRẦN VIỆT ĐẠT	20/06/2006	Kim Thái	T. Anh	
23	210095	PHẠM HẢI ĐĂNG	13/12/2006	Hợp Hưng	T. Anh	
24	210096	NGUYỄN NGỌC ĐOÀN	03/11/2006	Hợp Hưng	T. Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

Nam Định, ngày 25/06/2020

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI



HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Trung Sâm

DANH SÁCH PHÒNG THI

TT	SBD	Họ và tên	Đức	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	210097	BÙI TIẾN	ĐỨC	19/08/2006	Liên Bảo	T. Anh	
2	210098	TRẦN HOÀNG	GIANG	06/08/2006	Đại An	T. Anh	
3	210099	NGUYỄN HỒNG	GIANG	18/05/2006	Yên Dương	T. Anh	
4	210100	ĐINH THỊ HUƠNG	GIANG	21/04/2006	Quang Trung	T. Anh	
5	210101	TRẦN THỊ	GIANG	31/08/2006	Quang Trung	T. Anh	
6	210102	NGUYỄN VĂN	GIANG	12/11/2006	Đại An	T. Anh	
7	210103	TRẦN THỊ	HÀ	20/06/2006	Trung Thành	T. Anh	
8	210104	VŨ THỊ THU	HÀ	20/01/2006	Đại An	T. Anh	
9	210105	TRẦN ĐÌNH	HẢI	22/01/2006	Kim Thái	T. Anh	
10	210106	BÙI HOÀNG	HẢI	03/06/2006	Trần Huy Liệu	T. Anh	
11	210107	MAI PHƯƠNG	HẢI	18/09/2006	Hợp Hưng	T. Anh	
12	210108	ĐỖ VĂN	HÀNH	09/10/2006	Quang Trung	T. Anh	
13	210109	PHẠM THỊ MỸ	HÀNH	16/07/2006	Hợp Hưng	T. Anh	
14	210110	TRIỆU THỊ BÍCH	HẢO	22/10/2006	Cộng Hoà	T. Anh	
15	210111	NGUYỄN NGỌC MINH	HÀNG	19/08/2006	Trung Thành	T. Anh	
16	210112	TRẦN THỊ THANH	HÀNG	13/10/2006	Kim Thái	T. Anh	
17	210113	NGUYỄN THU	HÀNG	09/08/2006	Yên Dương	T. Anh	
18	210114	PHẠM THU	HÀNG	19/05/2006	Cộng Hoà	T. Anh	
19	210115	NGUYỄN THÚY	HÀNG	29/09/2006	Quang Trung	T. Anh	
20	210116	NGUYỄN THÚY	HÀNG	23/12/2006	Liên Bảo	T. Anh	
21	210117	NGUYỄN THỊ MAI	HIỀN	04/04/2006	Liên Bảo	T. Anh	
22	210118	VŨ THỊ MINH	HIỀN	23/11/2006	Trung Thành	T. Anh	
23	210119	HOÀNG THỊ	HIỀN	24/05/2006	Hợp Hưng	T. Anh	
24	210120	TRẦN THỊ	HIỀN	14/07/2006	Yên Mỹ	T. Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24
Số học sinh thi tiếng Nga: 0
Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

Nam Định, ngày 25/06/2020
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI



HIỆU TRƯỞNG
Hoàng Trung Lâm

DANH SÁCH PHÒNG THI

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	210121	NGUYỄN THU HIỀN	17/06/2006	Trung Thành	T. Anh	
2	210122	NGUYỄN THU HIỀN	01/09/2006	Quang Trung	T. Anh	
3	210123	TRẦN ĐỨC HIỆP	13/04/2006	Trung Thành	T. Anh	
4	210124	NGUYỄN MẠNH HIỆP	26/11/2006	Trung Thành	T. Anh	
5	210125	TRẦN MINH HIỆP	05/10/2006	Kim Thái	T. Anh	
6	210126	TRẦN QUANG HIỆP	11/09/2006	Trần Huy Liệu	T. Anh	
7	210127	ĐINH VĂN HIỆP	10/10/2006	Trần Huy Liệu	T. Anh	
8	210128	NGUYỄN CÔNG HIẾU	27/08/2006	Đại An	T. Anh	
9	210129	ĐÀO ĐỨC HIẾU	13/08/2006	Trung Thành	T. Anh	
10	210130	NGUYỄN ĐỨC HIẾU	07/08/2006	Liên Bảo	T. Anh	
11	210131	VŨ ĐỨC HIẾU	23/11/2006	Trần Huy Liệu	T. Anh	
12	210132	VŨ MINH HIẾU	08/12/2006	Kim Thái	T. Anh	
13	210133	TRẦN NGỌC HIẾU	14/08/2006	Kim Thái	T. Anh	
14	210134	ĐỖ QUANG HIẾU	17/08/2006	Kim Thái	T. Anh	
15	210135	HOÀNG TRUNG HIẾU	05/01/2006	Mỹ Xá	T. Anh	
16	210136	NGUYỄN TRUNG HIẾU	13/04/2006	Trung Thành	T. Anh	
17	210137	NGUYỄN TRUNG HIẾU	10/11/2006	Cộng Hoà	T. Anh	
18	210138	NGUYỄN VĂN HIẾU	23/06/2006	Quang Trung	T. Anh	
19	210139	PHÙNG VĂN HIẾU	28/04/2006	Minh Tân	T. Anh	
20	210140	NGUYỄN ĐÌNH HIỆU	06/06/2006	Đại An	T. Anh	
21	210141	NGUYỄN VĂN HIỆU	02/08/2006	Kim Thái	T. Anh	
22	210142	TRẦN THỊ HOA	01/01/2006	Kim Thái	T. Anh	
23	210143	VŨ THỊ HOA	04/10/2006	Yên Dương	T. Anh	
24	210144	ĐỖ ĐỨC HÒA	22/02/2006	Trung Thành	T. Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24
Số học sinh thi tiếng Nga: 0
Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

Nam Định, ngày 25/06/2020
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI



HIỆU TRƯỞNG
Hoàng Trung Sâm

DANH SÁCH PHÒNG THI

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	210145	VŨ THU HÒA	31/10/2006	Cộng Hoà	T. Anh	
2	210146	TRẦN THU HOÀI	26/03/2006	Yên Minh	T. Anh	
3	210147	PHẠM THỊ THU HOÀI	14/08/2006	Trung Thành	T. Anh	
4	210148	TRẦN ĐỨC HOÀN	07/08/2006	Cộng Hoà	T. Anh	
5	210149	TRẦN HUY HOÀN	02/02/2006	Trần Huy Liệu	T. Anh	
6	210150	BÙI VŨ HUY HOÀNG	27/08/2006	Quang Trung	T. Anh	
7	210151	HOÀNG MINH HOÀNG	08/07/2006	Hợp Hưng	T. Anh	
8	210152	VŨ MINH HOÀNG	23/09/2006	Trần Huy Liệu	T. Anh	
9	210153	PHẠM VĂN HOÀNG	20/07/2006	Hợp Hưng	T. Anh	
10	210154	TRẦN VĂN HOÀNG	23/02/2006	Kim Thái	T. Anh	
11	210155	TRẦN VIỆT HOÀNG	08/06/2006	Trung Thành	T. Anh	
12	210156	VŨ LINH HOẠT	04/02/2006	Liên Bảo	T. Anh	
13	210157	NGUYỄN THỊ THU HỒNG	04/11/2006	Quang Trung	T. Anh	
14	210158	BÙI MẠNH HUẤN	12/10/2006	Quang Trung	T. Anh	
15	210159	NGUYỄN THỊ HUÊ	26/02/2006	Cộng Hoà	T. Anh	
16	210160	NGUYỄN THỊ HUẾ	23/04/2006	Minh Tân	T. Anh	
17	210161	TRẦN ĐÌNH HÙNG	04/04/2006	Trung Thành	T. Anh	
18	210162	NGUYỄN MẠNH HÙNG	02/08/2006	Đại An	T. Anh	
19	210163	PHẠM MẠNH HÙNG	26/11/2006	Trung Thành	T. Anh	
20	210164	CAO VĂN HÙNG	16/04/2006	Liên Bảo	T. Anh	
21	210165	TRẦN VĂN HÙNG	15/08/2006	Quang Trung	T. Anh	
22	210166	NGÔ VIỆT HÙNG	18/06/2006	Quang Trung	T. Anh	
23	210167	ĐỖ ĐỨC HUY	01/02/2006	Liên Bảo	T. Anh	
24	210168	TRẦN ĐỨC HUY	18/11/2006	Yên Mỹ	T. Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

Nam Định, ngày 25/06/2020

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI



HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Trung Lâm

DANH SÁCH PHÒNG THI

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú	
1	210169	BÙI HỮU	HUY	07/06/2006	Minh Tân	T. Anh	
2	210170	NGUYỄN MẠNH	HUY	08/04/2006	Hợp Hưng	T. Anh	
3	210171	TRẦN MINH	HUY	26/10/2006	Cộng Hoà	T. Anh	
4	210172	HOÀNG QUANG	HUY	20/09/2006	Trần Huy Liệu	T. Anh	
5	210173	NGÔ QUANG	HUY	16/10/2006	Quang Trung	T. Anh	
6	210174	LƯƠNG QUỐC	HUY	13/11/2006	Minh Tân	T. Anh	
7	210175	TRẦN TUẤN	HUY	11/08/2006	Đại An	T. Anh	
8	210176	NGUYỄN VĂN	HUY	24/12/2006	Đại An	T. Anh	
9	210177	NGUYỄN XUÂN	HUY	31/01/2006	Minh Tân	T. Anh	
10	210178	TRẦN NGỌC	HUYỀN	17/11/2006	Trung Thành	T. Anh	
11	210179	TRẦN THỊ NGỌC	HUYỀN	27/09/2006	Yên Mỹ	T. Anh	
12	210180	HOÀNG THANH	HUYỀN	28/11/2006	Trung Thành	T. Anh	
13	210181	NGUYỄN THỊ THANH	HUYỀN	08/04/2006	Cộng Hoà	T. Anh	
14	210182	NGUYỄN THỊ	HUYỀN	30/05/2006	Quang Trung	T. Anh	
15	210183	PHẠM THỊ THU	HUYỀN	02/01/2006	Hợp Hưng	T. Anh	
16	210184	LÊ QUỐC	HUNG	17/10/2006	Hợp Hưng	T. Anh	
17	210185	LÊ THỊ DIỆU	HƯƠNG	16/03/2006	Minh Tân	T. Anh	
18	210186	PHẠM THỊ LAN	HƯƠNG	27/04/2006	Quang Trung	T. Anh	
19	210187	LÊ THỊ THANH	HƯƠNG	18/03/2006	Minh Tân	T. Anh	
20	210188	VŨ THỊ	HƯƠNG	13/07/2006	Yên Mỹ	T. Anh	
21	210189	BÙI THỊ THU	HƯƠNG	31/07/2006	Quang Trung	T. Anh	
22	210190	BÙI VIỆT	HƯƠNG	13/06/2006	Trung Thành	T. Anh	
23	210191	NGUYỄN MINH	KHẢI	26/01/2006	Minh Tân	T. Anh	
24	210192	ĐÀM TUẤN	KHANH	08/05/2006	Liên Bảo	T. Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

Nam Định, ngày 25/06/2020

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI



HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Trung Sâm

DANH SÁCH PHÒNG THI

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	210193	HOÀNG AN KHÁNH	24/07/2006	Quang Trung	T. Anh	
2	210194	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	20/10/2006	Đại An	T. Anh	
3	210195	HOÀNG QUỐC KHÁNH	02/09/2006	Hợp Hưng	T. Anh	
4	210196	VŨ THỊ KHÁNH	15/10/2006	Đại An	T. Anh	
5	210197	NGUYỄN VĂN KHIÊM	16/10/2006	Quang Trung	T. Anh	
6	210198	TRỊNH NGỌC KIÊN	10/10/2006	Đại An	T. Anh	
7	210199	BÙI TRUNG KIÊN	17/06/2006	Quang Trung	T. Anh	
8	210200	TRẦN TRUNG KIÊN	05/05/2006	Quang Trung	T. Anh	
9	210201	TRẦN TUẤN KIẾT	07/09/2006	Cộng Hoà	T. Anh	
10	210202	TRẦN XUÂN KỶ	30/10/2006	Kim Thái	T. Anh	
11	210203	TRẦN THỊ THÚY LAM	08/06/2006	Đại An	T. Anh	
12	210204	NGUYỄN THỊ NGỌC LAN	11/08/2006	Trung Thành	T. Anh	
13	210205	TRẦN THỊ NGỌC LAN	11/07/2006	Đại An	T. Anh	
14	210206	NGÔ PHƯƠNG LAN	10/01/2006	Trung Thành	T. Anh	
15	210207	PHẠM THỊ LAN	07/10/2006	Cộng Hoà	T. Anh	
16	210208	TRẦN THỊ LAN	06/12/2006	Yên Mỹ	T. Anh	
17	210209	HOÀNG THANH LÂM	11/01/2006	Quang Trung	T. Anh	
18	210210	NGUYỄN THANH LÂM	21/12/2006	Quang Trung	T. Anh	
19	210211	NGUYỄN THẾ LÂM	04/01/2006	Quang Trung	T. Anh	
20	210212	VŨ THỊ THANH LÊ	04/10/2006	Đại An	T. Anh	
21	210213	TRẦN THỊ THÚY LIÊN	20/05/2006	Yên Mỹ	T. Anh	
22	210214	NGUYỄN TUYẾT LIÊN	14/04/2006	Trung Thành	T. Anh	
23	210215	LÊ THỊ DIỆU LINH	23/06/2006	Yên Minh	T. Anh	
24	210216	VŨ DUY LINH	31/07/2006	Đại An	T. Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24
Số học sinh thi tiếng Nga: 0
Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

Nam Định, ngày 25/06/2020
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI



HIỆU TRƯỞNG
Hoàng Trung Lâm

DANH SÁCH PHÒNG THI

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú	
1	210217	VŨ THỊ HUYỀN	LINH	19/11/2006	Đại An	T. Anh	
2	210218	TRIỆU KHÁNH	LINH	01/03/2006	Hợp Hưng	T. Anh	
3	210219	NGUYỄN THỊ MAI	LINH	24/11/2006	Yên Dương	T. Anh	
4	210220	PHẠM NGỌC	LINH	20/05/2006	Đại An	T. Anh	
5	210221	TRẦN NGỌC	LINH	21/02/2006	Kim Thái	T. Anh	
6	210222	TRẦN NGỌC	LINH	04/11/2006	Cộng Hoà	T. Anh	
7	210223	NGÔ PHƯƠNG	LINH	13/01/2006	Cộng Hoà	T. Anh	
8	210224	NGUYỄN PHƯƠNG	LINH	23/01/2006	Quang Trung	T. Anh	
9	210225	TRẦN PHƯƠNG	LINH	25/11/2006	Kim Thái	T. Anh	
10	210226	NGÔ THỊ PHƯƠNG	LINH	30/10/2006	Quang Trung	T. Anh	
11	210227	TRẦN THỊ PHƯƠNG	LINH	27/09/2006	Kim Thái	T. Anh	
12	210228	VŨ THỊ PHƯƠNG	LINH	14/06/2006	Kim Thái	T. Anh	
13	210229	DƯƠNG THẢO	LINH	24/07/2006	Trần Huy Liệu	T. Anh	
14	210230	NGUYỄN THỊ	LINH	18/03/2006	Quang Trung	T. Anh	
15	210231	NGUYỄN THU	LINH	09/12/2006	Trung Thành	T. Anh	
16	210232	TRẦN THÙY	LINH	05/08/2006	Kim Thái	T. Anh	
17	210233	PHẠM THỊ THÙY	LINH	08/01/2006	Trung Thành	T. Anh	
18	210234	TRẦN THỊ THÙY	LINH	11/04/2006	Trung Thành	T. Anh	
19	210235	VŨ THỊ THÙY	LINH	08/03/2006	Đại An	T. Anh	
20	210236	VŨ THỊ THÙY	LINH	24/12/2006	Đại An	T. Anh	
21	210237	BÙI KIM	LOAN	16/07/2006	Yên Dương	T. Anh	
22	210238	TRẦN DUY	LONG	20/11/2006	Kim Thái	T. Anh	
23	210239	TRẦN ĐỨC	LONG	20/05/2006	Trung Thành	T. Anh	
24	210240	TRẦN HỮU HOÀNG	LONG	19/08/2006	Kim Thái	T. Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24
Số học sinh thi tiếng Nga: 0
Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

Nam Định, ngày 25/06/2020
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI



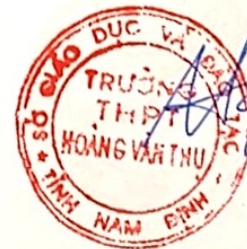
HIỆU TRƯỞNG
Hoàng Trung Lâm

DANH SÁCH PHÒNG THI

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	210241	TRẦN THỊ LUYẾN	LUYẾN	20/10/2006	Kim Thái	T. Anh	
2	210242	PHẠM ĐỨC LỰC	LỰC	30/01/2006	Hợp Hưng	T. Anh	
3	210243	TRẦN THỊ HƯƠNG	LY	14/01/2006	Kim Thái	T. Anh	
4	210244	NGUYỄN KHÁNH	LY	24/10/2006	Trung Thành	T. Anh	
5	210245	BÙI THỊ LY	LY	22/02/2006	Kim Thái	T. Anh	
6	210246	NGUYỄN THỊ LY	LY	02/07/2006	Quang Trung	T. Anh	
7	210247	TRẦN THỊ VÂN	LY	10/01/2006	Kim Thái	T. Anh	
8	210248	PHẠM CÔNG LÝ	LÝ	19/06/2006	Hợp Hưng	T. Anh	
9	210249	TRẦN THỊ NGỌC	MAI	13/12/2006	Yên Minh	T. Anh	
10	210250	TRẦN THỊ THANH	MAI	24/04/2006	Kim Thái	T. Anh	
11	210251	TRẦN DUY MẠNH	MẠNH	10/04/2006	Kim Thái	T. Anh	
12	210252	TRẦN THỊ THU MÂY	MÂY	28/06/2006	Kim Thái	T. Anh	
13	210253	PHẠM THÁI BÌNH	MINH	12/10/2006	Minh Tân	T. Anh	
14	210254	TRƯỜNG ĐẠI MINH	MINH	02/03/2006	Kim Thái	T. Anh	
15	210255	TRẦN LÊ MINH	MINH	19/08/2006	Minh Tân	T. Anh	
16	210256	PHẠM NHẬT MINH	MINH	09/12/2006	Minh Tân	T. Anh	
17	210257	NGUYỄN HỮU NHẬT	MINH	11/05/2006	Quang Trung	T. Anh	
18	210258	PHẠM QUANG MINH	MINH	04/02/2006	Minh Tân	T. Anh	
19	210259	PHÙNG QUANG MINH	MINH	01/09/2006	Đại An	T. Anh	
20	210260	NGUYỄN VIỆT MINH	MINH	27/10/2006	Minh Tân	T. Anh	
21	210261	HOÀNG KHÁNH MY	MY	21/12/2006	Mỹ Xá	T. Anh	
22	210262	NGUYỄN TRÀ MY	MY	01/10/2006	Hợp Hưng	T. Anh	
23	210263	VŨ THỊ TRÀ MY	MY	01/02/2006	Đại An	T. Anh	
24	210264	TRẦN HẢI NAM	NAM	30/08/2006	Trung Thành	T. Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24
Số học sinh thi tiếng Nga: 0
Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

Nam Định, ngày 25/06/2020
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI



HIỆU TRƯỞNG
Hoàng Trung Lâm

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT

Khoá ngày 27/06/2020

Hội đồng coi thi HOÀNG VĂN THỤ

Phòng thi số 12

Từ SBD 210265

Đến SBD 210288

DANH SÁCH PHÒNG THI

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	210265	BÙI NGỌC	NAM	13/04/2006	Quang Trung	T. Anh	
2	210266	LÊ TRUNG	NAM	29/01/2006	Minh Tân	T. Anh	
3	210267	ĐÀM VĂN	NAM	26/11/2006	Trung Thành	T. Anh	
4	210268	BÙI THỊ HẰNG	NGA	20/03/2006	Trung Thành	T. Anh	
5	210269	NGUYỄN THỊ HẰNG	NGA	12/10/2006	Yên Dương	T. Anh	
6	210270	NGUYỄN THỊ THÚY	NGA	24/11/2006	Yên Dương	T. Anh	
7	210271	HOÀNG THỊ HỒNG	NGÁT	14/06/2006	Hợp Hưng	T. Anh	
8	210272	ĐÀM HIẾU	NGÂN	29/10/2006	Liên Bảo	T. Anh	
9	210273	ĐÀM HỒNG	NGÂN	19/10/2006	Liên Bảo	T. Anh	
10	210274	TRẦN THỊ KIM	NGÂN	25/02/2006	Kim Thái	T. Anh	
11	210275	ĐÀO THANH	NGÂN	15/01/2006	Quang Trung	T. Anh	
12	210276	TRỊNH THÚY	NGÂN	12/05/2006	Hợp Hưng	T. Anh	
13	210277	LÊ THỊ TRANG	NGÂN	30/04/2006	Đại An	T. Anh	
14	210278	TRẦN ĐẠI	NGHĨA	24/02/2006	Trần Huy Liệu	T. Anh	
15	210279	PHẠM GIA	NGHĨA	17/09/2006	Hiển Khánh	T. Anh	
16	210280	VŨ TRỌNG	NGHĨA	20/04/2006	Liên Bảo	T. Anh	
17	210281	TRẦN THỊ BẢO	NGỌC	02/08/2006	Đại An	T. Anh	
18	210282	BÙI HỒNG	NGỌC	12/10/2006	Yên Dương	T. Anh	
19	210283	HOÀNG THỊ HỒNG	NGỌC	20/07/2006	Trung Thành	T. Anh	
20	210284	BÙI HỮU	NGỌC	02/05/2006	Minh Tân	T. Anh	
21	210285	NGUYỄN THỊ KHÁNH	NGỌC	01/06/2006	Kim Thái	T. Anh	
22	210286	PHẠM THỊ MINH	NGỌC	27/11/2006	Cộng Hoà	T. Anh	
23	210287	ĐỖ THỊ	NGỌC	06/02/2006	Hợp Hưng	T. Anh	
24	210288	NGUYỄN THỊ KHÁNH	NGUYỄN	13/12/2006	Trung Thành	T. Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

Nam Định, ngày 25/06/2020

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI



HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Trung Sâm

DANH SÁCH PHÒNG THI

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	210289	MAI MINH NGUYỆT	27/10/2006	Hợp Hưng	T. Anh	
2	210290	VŨ THỊ MINH NGUYỆT	28/12/2006	Đại An	T. Anh	
3	210291	NGUYỄN THỊ NGUYỆT	11/09/2006	Hợp Hưng	T. Anh	
4	210292	BÙI THỊ PHƯƠNG NHÂN	23/06/2006	Yên Dương	T. Anh	
5	210293	VŨ THỊ THANH NHÂN	28/01/2006	Đại An	T. Anh	
6	210294	PHẠM VĂN NHÂN	05/10/2006	Minh Tân	T. Anh	
7	210295	TRẦN HUY NHẬT	22/11/2006	Kim Thái	T. Anh	
8	210296	BÙI QUANG NHẬT	18/05/2006	Trung Thành	T. Anh	
9	210297	NGÔ THIÊN NHẬT	04/07/2006	Quang Trung	T. Anh	
10	210298	TRẦN KIỀU KHÁNH NHI	11/07/2006	Liên Bảo	T. Anh	
11	210299	NGUYỄN THỊ LAN NHI	09/10/2006	Cộng Hoà	T. Anh	
12	210300	TRẦN THỊ NGỌC NHI	12/10/2006	Yên Dương	T. Anh	
13	210301	NGÔ YẾN NHI	16/09/2006	Trung Thành	T. Anh	
14	210302	NGUYỄN YẾN NHI	08/11/2006	Quang Trung	T. Anh	
15	210303	TRẦN YẾN NHI	10/02/2006	Kim Thái	T. Anh	
16	210304	TRẦN YẾN NHI	03/08/2006	Cộng Hoà	T. Anh	
17	210305	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	24/04/2006	Đại An	T. Anh	
18	210306	NGUYỄN HỒNG NHUNG	10/12/2006	Yên Dương	T. Anh	
19	210307	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	13/02/2006	Hợp Hưng	T. Anh	
20	210308	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	07/10/2006	Cộng Hoà	T. Anh	
21	210309	TRẦN THỊ HỒNG NHUNG	15/05/2006	Trung Thành	T. Anh	
22	210310	TRẦN THỊ NHUNG	07/05/2006	Kim Thái	T. Anh	
23	210311	TRẦN THỊ QUỲNH NHƯ	14/10/2006	Yên Mỹ	T. Anh	
24	210312	TRẦN HUY PHONG	11/01/2006	Kim Thái	T. Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24
Số học sinh thi tiếng Nga: 0
Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

Nam Định, ngày 25/06/2020
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI



HIỆU TRƯỞNG
Hoàng Trung Lâm

DANH SÁCH PHÒNG THI

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	210313	NGUYỄN HỮU PHONG	11/01/2006	Quang Trung	T. Anh	
2	210314	NGUYỄN NAM PHONG	07/06/2006	Minh Tân	T. Anh	
3	210315	LÊ TUẤN PHONG	22/09/2006	Minh Tân	T. Anh	
4	210316	PHẠM NGỌC PHÚC	27/03/2006	Cộng Hoà	T. Anh	
5	210317	ĐỖ VĂN PHÚC	08/12/2006	Quang Trung	T. Anh	
6	210318	TRẦN VĂN PHÚC	12/10/2005	Kim Thái	T. Anh	
7	210319	BÙI HỮU PHƯỚC	13/11/2006	Yên Dương	T. Anh	
8	210320	NGUYỄN HÀ PHƯƠNG	19/08/2006	Trung Thành	T. Anh	
9	210321	PHÙNG THỊ HỒNG PHƯƠNG	18/03/2006	Minh Tân	T. Anh	
10	210322	LÊ THỊ LINH PHƯƠNG	17/12/2006	Yên Dương	T. Anh	
11	210323	NGUYỄN VIỆT PHƯƠNG	18/11/2006	Cộng Hoà	T. Anh	
12	210324	BÙI THỊ BÍCH PHƯƠNG	03/09/2006	Yên Mỹ	T. Anh	
13	210325	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	24/01/2006	Cộng Hoà	T. Anh	
14	210326	NGUYỄN DUY QUANG	12/01/2006	Hợp Hưng	T. Anh	
15	210327	BÙI MINH QUANG	21/07/2006	Liên Bảo	T. Anh	
16	210328	TRẦN XUÂN QUANG	01/01/2006	Kim Thái	T. Anh	
17	210329	MAI VĂN QUANG	11/01/2006	Kim Thái	T. Anh	
18	210330	NGUYỄN THỊ QUẾ	25/10/2006	Cộng Hoà	T. Anh	
19	210331	PHẠM TÂN QUỐC	29/08/2006	Hợp Hưng	T. Anh	
20	210332	VŨ THỊ ÁNH QUYÊN	08/12/2006	Đại An	T. Anh	
21	210333	TRẦN THỊ QUYÊN	17/04/2006	Kim Thái	T. Anh	
22	210334	TRIỆU THỊ QUYÊN	25/03/2006	Cộng Hoà	T. Anh	
23	210335	NGUYỄN TRỌNG QUYÊN	19/01/2006	Trung Thành	T. Anh	
24	210336	NGUYỄN VĂN QUYÊN	29/04/2006	Quang Trung	T. Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

Nam Định, ngày 25/06/2020

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI



HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Trung Lâm

DANH SÁCH PHÒNG THI

TT	SBD	Họ và tên	QUỖNH	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	210337	LÊ NHƯ	QUỖNH	15/09/2006	Tam Thanh	T. Anh	
2	210338	NGUYỄN NHƯ	QUỖNH	18/11/2006	Quang Trung	T. Anh	
3	210339	PHÙNG THỊ NHƯ	QUỖNH	26/02/2006	Đại An	T. Anh	
4	210340	TRẦN THỊ NHƯ	QUỖNH	19/08/2006	Kim Thái	T. Anh	
5	210341	PHÙNG THỊ	QUỖNH	05/05/2006	Đại An	T. Anh	
6	210342	PHẠM THỊ HƯƠNG	SEN	16/11/2006	Đại An	T. Anh	
7	210343	BÙI THIỆN	SINH	11/02/2006	Quang Trung	T. Anh	
8	210344	TRẦN CÔNG	SON	30/06/2006	Đại An	T. Anh	
9	210345	NGUYỄN ĐÌNH	SON	20/09/2005	Trung Thành	T. Anh	
10	210346	VŨ THANH	SON	28/06/2006	Đại An	T. Anh	
11	210347	TRẦN TRƯỜNG	SON	18/10/2006	Yên Dương	T. Anh	
12	210348	TRẦN CHÍ	TÀI	23/11/2006	Yên Dương	T. Anh	
13	210349	PHẠM THỊ MỸ	TÂM	16/11/2006	Quang Trung	T. Anh	
14	210350	TRẦN THANH	TÂM	11/04/2006	Quang Trung	T. Anh	
15	210351	PHÙNG THỊ THANH	TÂM	13/03/2006	Đại An	T. Anh	
16	210352	NGUYỄN HỒNG	THANH	28/11/2006	Minh Tân	T. Anh	
17	210353	BÙI HUYỀN	THANH	19/06/2006	Trung Thành	T. Anh	
18	210354	NGUYỄN THỊ	THANH	09/04/2006	Cộng Hoà	T. Anh	
19	210355	PHẠM ĐỨC	THÀNH	15/12/2006	Minh Tân	T. Anh	
20	210356	VŨ NGỌC	THÀNH	14/07/2006	Kim Thái	T. Anh	
21	210357	TRIỆU TUẤN	THÀNH	26/11/2006	Cộng Hoà	T. Anh	
22	210358	NGUYỄN VŨ BÁCH	THẢO	18/01/2006	Hợp Hưng	T. Anh	
23	210359	BÙI THANH	THẢO	04/08/2006	Quang Trung	T. Anh	
24	210360	NGUYỄN HỮU	THẮNG	24/06/2006	Minh Tân	T. Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24
Số học sinh thi tiếng Nga: 0
Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

Nam Định, ngày 25/06/2020
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI



HIỆU TRƯỞNG
Hoàng Trung Sâm

DANH SÁCH PHÒNG THI

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú	
1	210361	VŨ ĐỨC	THẮNG	29/07/2006	Đại An	T. Anh	
2	210362	PHẠM HỒNG	THẮNG	11/10/2006	Minh Tân	T. Anh	
3	210363	TRẦN HỮU	THẮNG	10/03/2006	Trần Huy Liệu	T. Anh	
4	210364	TRẦN VĂN	THỂ	21/07/2006	Cộng Hoà	T. Anh	
5	210365	TRẦN KHÁNH	THI	12/08/2006	Hoàng Văn Thụ	T. Anh	
6	210366	ĐỖ VĂN	THIỆN	16/12/2006	Liên Bảo	T. Anh	
7	210367	TRẦN DƯƠNG	THỐNG	08/01/2006	Kim Thái	T. Anh	
8	210368	PHẠM ANH	THƠ	08/08/2006	Trung Thành	T. Anh	
9	210369	PHẠM THỊ HOÀI	THU	07/10/2006	Đại An	T. Anh	
10	210370	BÙI THỊ MINH	THU	08/01/2006	Kim Thái	T. Anh	
11	210371	NGUYỄN THỊ MINH	THU	30/05/2006	Yên Dương	T. Anh	
12	210372	TRẦN THỊ	THUẬN	13/10/2006	Kim Thái	T. Anh	
13	210373	HOÀNG VIỆT	THUẬN	07/09/2006	Quang Trung	T. Anh	
14	210374	NGUYỄN MINH	THUY	13/12/2006	Hoàng Nam	T. Anh	
15	210375	TRẦN THỊ PHƯƠNG	THUY	22/04/2006	Kim Thái	T. Anh	
16	210376	VŨ THỊ THANH	THUY	10/01/2006	Đại An	T. Anh	
17	210377	PHẠM THỊ PHƯƠNG	THÙY	23/07/2006	Trung Thành	T. Anh	
18	210378	TRẦN THANH	THÚY	22/09/2006	Liên Bảo	T. Anh	
19	210379	NGUYỄN THỊ	THÚY	05/07/2006	Yên Minh	T. Anh	
20	210380	LÊ THU	THÚY	11/10/2006	Trung Thành	T. Anh	
21	210381	VŨ THỊ DIỆU	THÚY	01/01/2006	Đại An	T. Anh	
22	210382	ĐỖ PHƯƠNG	THÚY	17/06/2006	Liên Bảo	T. Anh	
23	210383	TRẦN ANH	THƯ	06/04/2006	Cộng Hoà	T. Anh	
24	210384	HOÀNG MINH	THƯ	17/11/2006	Quang Trung	T. Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24
Số học sinh thi tiếng Nga: 0
Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

Nam Định, ngày 25/06/2020
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI



HIỆU TRƯỞNG
Hoàng Trung Lâm

DANH SÁCH PHÒNG THI

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	210385	BÙI THỊ MINH	THƯ	15/01/2006	Quang Trung	T. Anh	
2	210386	NGUYỄN THỊ MINH	THƯ	25/07/2006	Đại An	T. Anh	
3	210387	VŨ THỊ	THƯ	23/09/2006	Trung Thành	T. Anh	
4	210388	NGUYỄN THỊ HOÀI	THƯỜNG	07/12/2006	Minh Tân	T. Anh	
5	210389	NGUYỄN THỊ	THƯỜNG	15/04/2006	Trung Thành	T. Anh	
6	210390	PHẠM ĐỨC	THƯỜNG	24/06/2006	Đại An	T. Anh	
7	210391	BÙI CÔNG	TIẾN	03/02/2006	Minh Tân	T. Anh	
8	210392	TRẦN DUY	TIẾN	06/01/2006	Kim Thái	T. Anh	
9	210393	NGUYỄN ĐỨC	TIẾN	23/08/2006	Liên Bảo	T. Anh	
10	210394	TRẦN MINH	TIẾN	03/04/2006	Kim Thái	T. Anh	
11	210395	VŨ CHÍ	TÍN	09/06/2006	Đại An	T. Anh	
12	210396	TRẦN CÔNG	TOÀN	22/07/2006	Đại An	T. Anh	
13	210397	VŨ ĐỨC	TOÀN	14/02/2006	Đại An	T. Anh	
14	210398	NGUYỄN VĂN	TOÀN	07/07/2006	Minh Tân	T. Anh	
15	210399	VŨ DUY	TỐI	19/03/2006	Đại An	T. Anh	
16	210400	ĐỖ HOÀNG	TRANG	13/12/2006	Phùng Chí Kiên	T. Anh	
17	210401	BÙI HUYỀN	TRANG	08/04/2006	Trần Huy Liệu	T. Anh	
18	210402	PHẠM HUYỀN	TRANG	04/03/2006	Cộng Hoà	T. Anh	
19	210403	TRẦN HUYỀN	TRANG	05/08/2006	Yên Dương	T. Anh	
20	210404	PHẠM THỊ HUYỀN	TRANG	29/08/2006	Hợp Hưng	T. Anh	
21	210405	NGUYỄN THỊ KIỂU	TRANG	06/01/2006	Minh Tân	T. Anh	
22	210406	TRẦN THỊ MAI	TRANG	02/11/2006	Kim Thái	T. Anh	
23	210407	TRẦN HOÀNG MINH	TRANG	01/03/2006	Cộng Hoà	T. Anh	
24	210408	PHẠM QUỲNH	TRANG	16/11/2006	Minh Tân	T. Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

Nam Định, ngày 25/06/2020
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

THIỆU TRƯỞNG

Hoàng Trung Tâm

DANH SÁCH PHÒNG THI

TT	SBD	Họ và tên	TRANG	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	210409	VŨ THẢO	TRANG	06/02/2006	Yên Dương	T. Anh	
2	210410	BÙI THỊ	TRANG	19/09/2006	Yên Mỹ	T. Anh	
3	210411	VŨ THỊ	TRANG	30/09/2006	Trung Thành	T. Anh	
4	210412	BÙI THU	TRANG	30/08/2006	Trung Thành	T. Anh	
5	210413	TRẦN THỊ THU	TRANG	04/10/2006	Kim Thái	T. Anh	
6	210414	VŨ THỊ THU	TRANG	08/10/2006	Yên Dương	T. Anh	
7	210415	PHẠM TRẦN THU	TRANG	28/09/2006	Kim Thái	T. Anh	
8	210416	LÊ THÙY	TRANG	17/10/2006	Kim Thái	T. Anh	
9	210417	VŨ THỊ THÙY	TRANG	24/02/2006	Quang Trung	T. Anh	
10	210418	HOÀNG MINH	TRUNG	13/03/2006	Quang Trung	T. Anh	
11	210419	NGUYỄN THÀNH	TRUNG	20/08/2006	Minh Tân	T. Anh	
12	210420	NGUYỄN ANH	TRƯỜNG	13/09/2006	Đại An	T. Anh	
13	210421	NGÔ VŨ	TRƯỜNG	11/10/2006	Đại An	T. Anh	
14	210422	VŨ ANH	TÚ	02/12/2006	Trần Huy Liệu	T. Anh	
15	210423	PHÙNG THỊ CẨM	TÚ	30/07/2006	Đại An	T. Anh	
16	210424	MAI QUANG	TÚ	07/01/2006	Trần Huy Liệu	T. Anh	
17	210425	PHẠM VĂN	TÚ	22/03/2006	Hợp Hưng	T. Anh	
18	210426	MAI ANH	TUẤN	23/11/2006	Quang Trung	T. Anh	
19	210427	NGUYỄN ANH	TUẤN	21/11/2006	Trần Huy Liệu	T. Anh	
20	210428	VŨ ANH	TUẤN	25/07/2006	Trung Thành	T. Anh	
21	210429	BÙI ĐÌNH ANH	TUẤN	10/09/2006	Mỹ Xá	T. Anh	
22	210430	NGUYỄN DUY	TUẤN	27/10/2006	Minh Tân	T. Anh	
23	210431	PHẠM MINH	TUẤN	06/01/2006	Trần Huy Liệu	T. Anh	
24	210432	NGUYỄN LÂM	TÙNG	29/04/2006	Trần Huy Liệu	T. Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24
Số học sinh thi tiếng Nga: 0
Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

Nam Định, ngày 25/06/2020
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI



HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Trung Lâm

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT
Khoá ngày 27/06/2020
Hội đồng coi thi HOÀNG VĂN THỤ

Phòng thi số 19
Từ SBD 210433
Đến SBD 210446

DANH SÁCH PHÒNG THI

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú	
1	210433	TỔNG LINH	TÙNG	14/09/2006	Trần Huy Liệu	T. Anh	
2	210434	BÙI THANH	TÙNG	26/10/2006	Minh Tân	T. Anh	
3	210435	NGUYỄN THANH	TÙNG	26/10/2006	Minh Tân	T. Anh	
4	210436	VŨ THANH	TÙNG	04/01/2006	Đại An	T. Anh	
5	210437	LÊ HỒNG	TUYÊN	24/07/2006	Kim Thái	T. Anh	
6	210438	TRẦN HỒNG	TUYÊN	08/05/2006	Kim Thái	T. Anh	
7	210439	PHẠM NGỌC	TUYÊN	16/08/2006	Hợp Hưng	T. Anh	
8	210440	VŨ VĂN	TUYÊN	02/02/2006	Kim Thái	T. Anh	
9	210441	NGUYỄN VIỆT	TUYÊN	15/06/2006	Minh Tân	T. Anh	
10	210442	LƯƠNG QUANG	TUYÊN	01/08/2006	Cộng Hoà	T. Anh	
11	210443	TRẦN CÔNG	TUYẾN	09/04/2006	Trung Thành	T. Anh	
12	210444	TRẦN THỊ THANH	TUYẾT	05/09/2006	Cộng Hoà	T. Anh	
13	210445	TRẦN MỸ	VÂN	16/06/2006	Kim Thái	T. Anh	
14	210446	ĐÀO THỊ YẾN	VI	15/07/2006	Đại An	T. Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 14
Số học sinh thi tiếng Nga: 0
Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

Nam Định, ngày 25/06/2020
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI



HIỆU TRƯỞNG
Hoàng Trung Lâm

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT

Khoá ngày 27/06/2020

Hội đồng coi thi HOÀNG VĂN THỤ

Phòng thi số 20

Từ SBD 210447

Đến SBD 210460

DANH SÁCH PHÒNG THI

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú	
1	210447	NGÔ QUỐC	VIỆT	09/12/2006	Đại An	T. Anh	
2	210448	NGUYỄN ĐẮC	VINH	07/11/2006	Trần Huy Liệu	T. Anh	
3	210449	PHẠM ĐÌNH	VŨ	22/09/2006	Yên Dương	T. Anh	
4	210450	NGUYỄN THỊ NGỌC	VUI	27/04/2006	Đại An	T. Anh	
5	210451	NGUYỄN MINH	VƯƠNG	20/06/2006	Liên Bảo	T. Anh	
6	210452	ĐỖ THỊ HÀ	VY	07/11/2006	Trần Huy Liệu	T. Anh	
7	210453	TRẦN HỒNG	VY	09/09/2006	Quang Trung	T. Anh	
8	210454	NGUYỄN HOÀNG THIỆU	VY	05/06/2006	Quang Trung	T. Anh	
9	210455	NGUYỄN KHẮC	XUÂN	18/09/2006	Quang Trung	T. Anh	
10	210456	NGUYỄN THỊ KIM	XUYẾN	06/10/2006	Minh Tân	T. Anh	
11	210457	TRỊNH HẢI	YẾN	24/09/2006	Kim Thái	T. Anh	
12	210458	LƯƠNG THỊ HẢI	YẾN	23/03/2006	Liên Bảo	T. Anh	
13	210459	TRẦN HOÀNG	YẾN	08/06/2006	Liên Bảo	T. Anh	
14	210460	BÙI VIỆT	YẾN	12/12/2006	Quang Trung	T. Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 14

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

Nam Định, ngày 25/06/2020

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI



HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Trung Tâm